

# NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG BỐI CẢNH ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 2371/QĐ-TTg

Vương Thị Hải Yến

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh triển khai Đề án "Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045", việc nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên trở thành nhiệm vụ cấp bách của hệ thống giáo dục. Bài viết trình bày cơ sở lý luận, cấu trúc, định hướng triển khai chương trình bồi dưỡng "Nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên mầm non" được Trường Đại học Thủ đô Hà Nội xây dựng và thực hiện. Chương trình được thiết kế dựa trên các lý thuyết giáo dục mầm non hiện đại (Piaget, Vygotsky), định hướng của UNESCO và OECD về ứng dụng công nghệ AI trong giáo dục một cách đạo đức và an toàn, nhằm phát triển ba nhóm năng lực cốt lõi: năng lực ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo hướng giao tiếp, năng lực thiết kế học liệu và hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, và năng lực ứng dụng AI để cá nhân hóa học tập. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thiết kế và phát triển chương trình đào tạo kết hợp khảo sát, phỏng vấn giáo viên và quan sát lớp học. Kết quả thí điểm cho thấy giáo viên sau khóa học có khả năng thiết kế kế hoạch dạy học linh hoạt, ứng dụng AI để tạo học liệu đa giác quan, và nhận thức rõ hơn về an toàn dữ liệu và đạo đức số. Bài viết đề xuất nhân rộng mô hình, xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực giáo viên, và phát triển ngân hàng học liệu mở phục vụ chương trình giáo dục mầm non toàn quốc.

**Từ khóa:** trí tuệ nhân tạo, giảng dạy tiếng Anh, giáo viên mầm non, bồi dưỡng ngắn hạn, phương pháp giảng dạy.

Nhận bài ngày: 10.11.2025 gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 29.01.2026

Liên hệ tác giả: Vương Thị Hải Yến; email: yenvth@daihocthudo.edu.vn

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2371/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045" (Đề án 2371). Đây là bước đột phá trong chính sách giáo dục ngoại ngữ quốc gia, nhằm hình thành một hệ sinh thái giáo dục song ngữ, trong đó tiếng Anh không chỉ là môn học mà trở thành công cụ giao tiếp, học tập và nghiên cứu khoa học trong toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam. Đặc biệt, giáo dục mầm non được xác định là giai đoạn đầu tiên và quan trọng nhất trong lộ trình này, với các mức độ tiếp cận từ 1 đến 3 (nghe - nói - vận động cơ bản), đặt nền móng cho việc phát triển năng lực ngoại ngữ của học sinh trong suốt quá trình học tập sau này.

Để thực hiện thành công Đề án 2371, một trong những yếu tố quyết định chính là đội ngũ giáo viên mầm non có năng lực chuyên môn vững vàng, phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, và khả năng ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), vào quá trình dạy học. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), hiện nay chỉ có khoảng 30% giáo viên mầm non ở các thành phố lớn được đào tạo chuyên ngành tiếng Anh, và tỷ lệ này ở các vùng nông thôn, miền núi còn thấp hơn nhiều. Hơn nữa, năng lực ứng dụng công nghệ giáo dục, đặc biệt

là AI, trong đội ngũ giáo viên mầm non còn rất hạn chế.

Nhận thức được những thách thức này, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, với vai trò là cơ sở đào tạo giáo viên trọng điểm của Thủ đô, đã chủ động xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng ngắn hạn "Nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên mầm non". Chương trình không chỉ tập trung vào việc nâng cao năng lực ngôn ngữ và phương pháp sư phạm, mà còn đặc biệt chú trọng đến việc trang bị cho giáo viên kỹ năng ứng dụng công nghệ AI một cách đạo đức và hiệu quả trong dạy học tiếng Anh cho trẻ mầm non. Bài viết này trình bày cơ sở lý luận, cấu trúc chương trình, phương pháp triển khai, kết quả ban đầu và đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình đào tạo này nhằm đáp ứng mục tiêu của Đề án 2371/.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1 Cơ sở lý luận và định hướng chương trình

#### 2.1.1 Lý thuyết phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non

Chương trình được xây dựng dựa trên hai trụ cột lý thuyết chính về phát triển nhận thức và ngôn ngữ của trẻ. Thứ nhất, theo lý thuyết phát triển nhận thức của Piaget J. (1952), trẻ mầm non (từ 3 đến 6 tuổi) đang ở giai đoạn tư duy tiền thao tác (preoperational stage), với đặc điểm tư duy cụ thể, trực quan và mang tính biểu tượng. Điều này có nghĩa là trẻ học tốt nhất thông qua các trải nghiệm cụ thể, hình ảnh sinh động và hoạt động thực hành. Do đó, việc dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non cần gắn liền với các hoạt động vui chơi, trò chơi, bài hát và các hình ảnh minh họa sinh động, thay vì các bài giảng trừu tượng về ngữ pháp hay từ vựng.

Thứ hai, theo lý thuyết vùng phát triển gần nhất (Zone of Proximal Development - ZPD) của Vygotsky, L. S. (1978), sự phát triển của trẻ diễn ra tốt nhất khi có sự hỗ trợ và tương tác với người lớn hoặc bạn bè có năng lực cao hơn. Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường học tập hỗ trợ (scaffolding), giúp trẻ từng bước tiếp cận và làm quen với tiếng Anh thông qua các hoạt động có ý nghĩa trong bối cảnh xã hội. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp giảng dạy tương tác, lấy trẻ làm trung tâm và tạo cơ hội cho trẻ giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống thực tế.

#### 2.1.2. Định hướng của Đề án 2371 về giáo dục mầm non

Theo Đề án 2371 (Thủ tướng Chính phủ, 2025), giáo dục mầm non hướng tới hình thành ba mức độ năng lực tiếng Anh cơ bản cho trẻ: (1) Mức 1 - Nghe và hiểu: trẻ có khả năng nghe và hiểu các từ vựng, cụm từ đơn giản thông qua các hoạt động nghe nhạc, nghe kể chuyện và các trò chơi ngôn ngữ; (2) Mức 2 - Nói và phản hồi: trẻ có khả năng sử dụng các từ vựng, cụm từ đơn giản để phản hồi, giao tiếp trong các tình huống quen thuộc như chào hỏi, giới thiệu bản thân, nói về gia đình; (3) Mức 3 - Vận động và tương tác: trẻ có khả năng kết hợp ngôn ngữ với các hoạt động vận động, tham gia các trò chơi và hoạt động nhóm bằng tiếng Anh.

Để đạt được các mức độ này, Đề án nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo môi trường học tập tiếng Anh tự nhiên, đa giác quan và an toàn cho trẻ. Môi trường học tập cần đảm bảo tính tương tác, khuyến khích trẻ tự khám phá và sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động hàng ngày. Điều này đòi hỏi giáo viên phải có năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập sáng tạo, sử dụng đa dạng các phương tiện và công cụ dạy học, bao gồm cả công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

#### 2.1.3. Vai trò của trí tuệ nhân tạo trong dạy học tiếng Anh cho trẻ mầm non

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra những cơ hội mới trong giáo dục mầm non, đặc biệt trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ. Theo UNESCO (UNESCO, 2023), AI có thể hỗ trợ giáo viên trong việc tạo ra các học liệu tương tác, cá nhân hóa trải nghiệm học tập theo nhu cầu và khả năng của từng trẻ, cung cấp phản hồi tức thì và theo dõi tiến bộ học tập một cách liên tục. Trong bối cảnh giáo dục mầm non, các công cụ AI như chatbot ngôn ngữ, ứng dụng học tiếng Anh tương tác, phần mềm tạo hình ảnh và âm thanh, có thể giúp tạo ra môi trường học tập sinh động, hấp dẫn và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ.

Tuy nhiên, việc sử dụng AI trong giáo dục mầm non cũng đặt ra những thách thức và yêu cầu đặc biệt về đạo đức và an toàn. OECD (OECD, 2024) nhấn mạnh rằng khi sử dụng AI trong giáo dục trẻ em, đặc biệt là trẻ nhỏ, cần tuân thủ các nguyên tắc về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng

tư, không sử dụng hình ảnh nhận diện trẻ, và luôn có sự giám sát của giáo viên. AI không thay thế vai trò của giáo viên mà chỉ là công cụ hỗ trợ, giúp giáo viên nâng cao hiệu quả dạy học. Do đó, việc đào tạo giáo viên mầm non về cách sử dụng AI một cách có trách nhiệm và đạo đức là vô cùng cần thiết.

#### **2.1.4. Khung năng lực giáo viên mầm non dạy tiếng Anh tích hợp AI**

Dựa trên các cơ sở lý luận trên, chương trình bồi dưỡng xác định ba nhóm năng lực cốt lõi cần phát triển cho giáo viên mầm non:

Nhóm năng lực thứ nhất: Năng lực ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo hướng giao tiếp. Giáo viên cần có trình độ tiếng Anh tối thiểu B1 theo khung CEFR, hiểu rõ các nguyên tắc dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non (giảng dạy qua trò chơi, bài hát, câu chuyện), và biết cách thiết kế các hoạt động học tập phù hợp với ba mức độ năng lực của Đề án 2371 (nghe - nói - vận động).

Nhóm năng lực thứ hai: Năng lực thiết kế học liệu và hoạt động lấy trẻ làm trung tâm. Giáo viên cần biết cách thiết kế và phát triển các học liệu đa giác quan (hình ảnh, âm thanh, video, đồ vật cụ thể) phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ, xây dựng lesson playbook (kịch bản bài dạy chi tiết) bao gồm mục tiêu, hoạt động cụ thể, lời nói của giáo viên và cách tương tác với trẻ.

Nhóm năng lực thứ ba: Năng lực ứng dụng công cụ AI để cá nhân hóa học tập, đánh giá và phản hồi tiến bộ của trẻ. Giáo viên cần biết cách sử dụng các công cụ AI phổ biến như ChatGPT để tạo nội dung bài học, DALL·E hoặc Canva để tạo hình ảnh minh họa, Duolingo ABC hoặc các ứng dụng học tiếng Anh tương tác khác. Quan trọng hơn, giáo viên cần hiểu rõ các nguyên tắc đạo đức và an toàn khi sử dụng AI, bao gồm không thu thập dữ liệu cá nhân của trẻ, không sử dụng hình ảnh nhận diện, và luôn kiểm duyệt nội dung do AI tạo ra trước khi sử dụng trong lớp học.

## **2.2. Nội dung, cấu trúc và phương pháp thực hiện chương trình**

### **2.2.1. Cấu trúc và thời lượng chương trình**

Chương trình bồi dưỡng được thiết kế với tổng thời lượng 30 tiết (tương đương 2 tín chỉ), triển khai kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến để đảm bảo tính linh hoạt và khả năng tiếp cận của giáo viên. Cấu trúc chương trình được chia thành ba phần chính, mỗi phần tập trung vào một nhóm năng lực cốt lõi:

#### **Phần 1: Tổ chức hoạt động dạy học tiếng Anh theo chủ đề bằng AI (10 tiết)**

Phần này hướng dẫn giáo viên quy trình thiết kế bài dạy tiếng Anh tích hợp AI theo khung năm bước: (1) Xác định mục tiêu học tập cụ thể theo ba mức độ của Đề án 2371; (2) Viết prompt (câu lệnh) hiệu quả để tương tác với AI, ví dụ: "Hãy tạo một kế hoạch bài dạy 20 phút về chủ đề động vật cho trẻ 4-5 tuổi, sử dụng phương pháp TPR (Total Physical Response)"; (3) Tạo học liệu bằng AI bao gồm hình ảnh, âm thanh, bài hát và kịch bản hoạt động; (4) Thử nghiệm bài dạy trong môi trường mô phỏng hoặc lớp học thực tế; (5) Điều chỉnh và hoàn thiện dựa trên phản hồi của trẻ và đồng nghiệp.

Giáo viên được thực hành thiết kế bài dạy cho các chủ đề phổ biến như: Gia đình (Family), Động vật (Animals), Màu sắc (Colors), Con số (Numbers), Trái cây (Fruits), Thời tiết (Weather), Cơ thể (Body Parts), và Hoạt động hàng ngày (Daily Activities). Mỗi chủ đề được phân tích chi tiết về mục tiêu, từ vựng mục tiêu, cấu trúc câu đơn giản, và các hoạt động học tập phù hợp với từng độ tuổi.

#### **Phần 2: Xây dựng học liệu đa giác quan và lesson playbook (12 tiết)**

Phần này tập trung vào việc hướng dẫn giáo viên tạo và phát triển các loại học liệu cụ thể: (1) Thẻ tranh (flashcards) bằng DALL·E hoặc Canva, đảm bảo hình ảnh rõ nét, màu sắc tươi sáng và phù hợp với nhận thức của trẻ; (2) Âm thanh và nhạc vận động bằng các công cụ như Suno AI hoặc tìm kiếm và chỉnh sửa từ các nguồn âm nhạc miễn phí có bản quyền; (3) Video tương tác ngắn (1-2 phút) sử dụng các công cụ như Canva Video hoặc chỉnh sửa từ các nguồn video giáo dục có sẵn; (4) Lesson playbook - kịch bản bài dạy chi tiết bao gồm: giới thiệu chủ đề, hoạt động khởi động (warm-up), hoạt động chính (main activities), hoạt động củng cố (practice) và kết thúc (wrap-up), trong đó ghi rõ lời nói của giáo viên, cách tương tác với trẻ và thời gian dự kiến cho mỗi hoạt động.

Giáo viên được hướng dẫn sử dụng các công cụ AI miễn phí hoặc có chi phí thấp, phù hợp với

điều kiện thực tế của các trường mầm non. Đặc biệt, chương trình nhấn mạnh nguyên tắc "AI là trợ thủ, không phải người thay thế": giáo viên luôn phải kiểm tra, chỉnh sửa và cá nhân hóa nội dung do AI tạo ra để đảm bảo phù hợp với bối cảnh văn hóa, ngôn ngữ và đặc điểm cụ thể của từng nhóm trẻ.

### **Phần 3: Kiểm tra - đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ (8 tiết)**

Phần này trang bị cho giáo viên các công cụ và phương pháp đánh giá phù hợp với đặc điểm của trẻ mầm non. Thay vì các bài kiểm tra truyền thống, chương trình hướng dẫn giáo viên sử dụng: (1) Rubric quan sát bốn mức (Chưa đạt - Đang phát triển - Đạt - Vượt trội) để đánh giá khả năng nghe, nói và tương tác của trẻ trong các hoạt động học tập hàng ngày; (2) Portfolio học tập - hồ sơ lưu trữ các sản phẩm, video ghi hình trẻ tham gia hoạt động, và nhận xét của giáo viên theo thời gian; (3) Phản hồi mô tả (descriptive feedback) thay vì cho điểm số, tập trung vào việc khuyến khích và ghi nhận tiến bộ của trẻ.

AI có thể hỗ trợ giáo viên trong việc phân tích dữ liệu quan sát, tạo báo cáo tiến bộ cá nhân hóa cho từng trẻ, và đề xuất các hoạt động hỗ trợ phù hợp. Tuy nhiên, chương trình nhấn mạnh rằng quyết định đánh giá cuối cùng luôn thuộc về giáo viên, dựa trên sự quan sát toàn diện và hiểu biết sâu sắc về từng trẻ.

#### **2.2.2. Phương pháp đào tạo**

Chương trình áp dụng phương pháp đào tạo tích cực, lấy người học (giáo viên tham gia bồi dưỡng) làm trung tâm, kết hợp nhiều hình thức:

**Micro-teaching:** Giáo viên thực hành dạy các đoạn bài ngắn (5-10 phút) trong môi trường mô phỏng, sau đó nhận phản hồi từ giảng viên và đồng nghiệp. Phương pháp này giúp giáo viên rèn luyện kỹ năng sư phạm và tự tin hơn khi áp dụng vào thực tế.

**Workshop thực hành:** Giáo viên làm việc theo nhóm để thiết kế bài dạy, tạo học liệu và thảo luận về các tình huống sư phạm cụ thể. Mỗi nhóm được giao một chủ đề và yêu cầu thiết kế bài dạy hoàn chỉnh, sau đó trình bày và chia sẻ với các nhóm khác.

**Thảo luận tình huống:** Giáo viên phân tích và đưa ra giải pháp cho các tình huống thực tế trong dạy học tiếng Anh cho trẻ mầm non, như: trẻ không chịu tham gia hoạt động, trẻ nói tiếng Việt thay vì tiếng Anh, trẻ có sự khác biệt về khả năng tiếp thu ngôn ngữ.

**Phản hồi đồng đẳng (peer feedback):** Giáo viên quan sát và đóng góp ý kiến xây dựng cho bài dạy của đồng nghiệp, giúp phát triển tư duy phản biện và học hỏi lẫn nhau.

**Thực hành với công cụ AI:** Giáo viên được hướng dẫn sử dụng trực tiếp các công cụ AI như ChatGPT, DALL·E, Canva, và Duolingo ABC trong các buổi thực hành. Giảng viên hướng dẫn chi tiết từng bước, từ đăng ký tài khoản, viết prompt hiệu quả, đến kiểm tra và chỉnh sửa kết quả.

#### **2.2.3. Đánh giá và công nhận hoàn thành chương trình**

Giáo viên được đánh giá dựa trên ba thành phần: (1) Tham gia và đóng góp trong các buổi học (20%); (2) Bài tập và sản phẩm tạo ra trong quá trình học (30%); (3) Dự án cuối khóa (50%) - giáo viên cần thiết kế một kế hoạch bài dạy tiếng Anh hoàn chỉnh cho trẻ mầm non, bao gồm lesson playbook chi tiết, học liệu đa giác quan, và rubric đánh giá. Dự án được trình bày trước lớp và nhận phản hồi từ giảng viên và đồng nghiệp. Giáo viên hoàn thành chương trình với kết quả đạt yêu cầu sẽ được cấp chứng chỉ bồi dưỡng ngắn hạn của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

### **2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

#### **2.3.1. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu**

Để đánh giá hiệu quả của chương trình, nghiên cứu đã sử dụng ba phương pháp thu thập dữ liệu: (1) Khảo sát trước và sau khóa học với 45 giáo viên mầm non tham gia khóa bồi dưỡng đầu tiên, tập trung vào đánh giá nhận thức về năng lực bản thân (self-efficacy) trong dạy học tiếng Anh và sử dụng AI; (2) Phỏng vấn sâu 12 giáo viên đại diện từ các trường mầm non công lập và tư thục ở Hà Nội về trải nghiệm học tập, thay đổi trong phương pháp giảng dạy và những khó khăn gặp phải khi áp dụng kiến thức vào thực tế; (3) Quan sát lớp học 8 giáo viên sau khi hoàn thành khóa học, sử dụng rubric quan sát về việc tổ chức hoạt động dạy học tiếng Anh, sử dụng học liệu và tương tác với trẻ.

Dữ liệu định lượng từ khảo sát được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả và kiểm định t-test để so sánh sự khác biệt trước và sau khóa học. Dữ liệu định tính từ phỏng vấn và quan sát được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis), xác định các chủ đề chính liên quan đến hiệu quả của chương trình và những yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

### 2.3.2. Kết quả đánh giá năng lực giáo viên

Kết quả đánh giá được thu thập thông qua hai phương pháp: (1) khảo sát định lượng với 45 giáo viên mầm non trước và sau khóa học bằng thang đo Likert 5 mức độ; (2) phỏng vấn sâu 12 giáo viên (chiếm 26,7% tổng mẫu) để làm rõ những thay đổi về nhận thức và thực hành giảng dạy. Kết quả cho thấy có sự cải thiện đáng kể trong cả ba nhóm năng lực cốt lõi:

Về năng lực ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy: Số lượng giáo viên tự đánh giá có khả năng thiết kế kế hoạch bài dạy tiếng Anh phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mầm non tăng từ 19/45 giáo viên (42,2%) trước khóa học lên 39/45 giáo viên (86,7%) sau khóa học. Phân tích định tính cho thấy giáo viên không chỉ tự tin hơn trong việc sử dụng tiếng Anh giao tiếp với trẻ mà còn hiểu sâu hơn về phương pháp dạy học giao tiếp. Một giáo viên chia sẻ: "Trước đây tôi chỉ dạy từ vựng đơn thuần, giờ tôi biết cách tạo tình huống giao tiếp thực tế cho trẻ, như đóng vai mua bán ở cửa hàng bằng tiếng Anh" (GV-MN-07). Giáo viên khác nhấn mạnh: "Tôi đã học được cách điều chỉnh tốc độ nói, sử dụng cử chỉ và hình ảnh để trẻ hiểu tiếng Anh tự nhiên hơn" (GV-MN-15).

Về năng lực thiết kế học liệu: Trước khóa học, chỉ 11/45 giáo viên (24,4%) biết cách tạo học liệu đa giác quan cho dạy tiếng Anh. Con số này tăng lên 35/45 giáo viên (77,8%) sau khóa học. Đặc biệt, giáo viên không chỉ nâng cao kỹ năng kỹ thuật mà còn hiểu rõ các nguyên tắc sư phạm. Kết quả phỏng vấn cho thấy giáo viên đã vận dụng lý thuyết Piaget về giai đoạn tiền thao tác của trẻ để thiết kế học liệu phù hợp. Cụ thể, một giáo viên trình bày: "Tôi thiết kế thẻ học có hình ảnh lớn, màu sắc tươi sáng và kèm âm thanh để kích thích nhiều giác quan của trẻ. Trẻ không chỉ nhìn mà còn được chạm, nghe và thao tác" (GV-MN-23). Giáo viên khác bổ sung: "Tôi đã tạo bộ flashcard điện tử có thể tái sử dụng, kết hợp hình ảnh động và âm thanh chuẩn từ giọng bản ngữ" (GV-MN-31).

Về năng lực ứng dụng AI: Trước khóa học, 41/45 giáo viên (91,1%) chưa từng sử dụng công cụ AI trong giảng dạy. Sau khóa học, 31/45 giáo viên (68,9%) đã thực hành sử dụng ít nhất một công cụ AI để tạo học liệu hoặc thiết kế bài dạy. Phân tích định tính cho thấy giáo viên đã ứng dụng đa dạng công cụ AI như ChatGPT để tạo kịch bản bài hát, Canva AI để thiết kế poster, và các ứng dụng text-to-speech để tạo âm thanh chuẩn. Một giáo viên chia sẻ: "Tôi dùng AI để tạo câu chuyện ngắn về các chủ đề quen thuộc với trẻ như gia đình, trường học. Sau đó tôi điều chỉnh độ dài và từ vựng cho phù hợp" (GV-MN-18). Đáng chú ý, 43/45 giáo viên (95,6%) sau khóa học có nhận thức rõ ràng về các nguyên tắc đạo đức và an toàn dữ liệu khi sử dụng AI. Điều này được minh chứng qua chia sẻ: "Tôi luôn kiểm tra kỹ nội dung AI tạo ra, không bao giờ upload ảnh có khuôn mặt trẻ lên các nền tảng AI, và chỉ sử dụng hình ảnh không bản quyền" (GV-MN-34). Một giáo viên khác nhấn mạnh: "Tôi hiểu rằng AI chỉ là công cụ hỗ trợ, quyết định cuối cùng về nội dung dạy học vẫn phải do giáo viên đưa ra dựa trên hiểu biết về từng trẻ" (GV-MN-42).

Kết quả tổng hợp từ cả phân tích định lượng và định tính cho thấy chương trình bồi dưỡng đã tạo ra sự chuyển biến tích cực không chỉ về kỹ năng kỹ thuật mà còn về nhận thức sư phạm và đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong bối cảnh giáo dục số.

### 2.3.4. Kết quả quan sát lớp học thực tế

Kết quả quan sát 8 lớp học cho thấy những thay đổi tích cực trong phương pháp giảng dạy của giáo viên:

Về tổ chức hoạt động học tập: Các bài dạy được thiết kế theo cấu trúc rõ ràng với các hoạt động đa dạng, phù hợp với độ tuổi. Giáo viên sử dụng nhiều hình thức tổ chức như hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ và cả lớp, tạo cơ hội cho tất cả trẻ tham gia. Thời gian dành cho các hoạt động được điều chỉnh linh hoạt theo phản ứng của trẻ.

Về sử dụng học liệu: Giáo viên sử dụng thẻ tranh màu sắc, âm thanh và video do AI hỗ trợ tạo

ra, giúp bài học sinh động và hấp dẫn hơn. Học liệu được thiết kế phù hợp với chủ đề bài học và kích thích được sự tò mò của trẻ. Đặc biệt, học liệu được cá nhân hóa theo bối cảnh văn hóa Việt Nam, ví dụ: hình ảnh các loại trái cây quen thuộc ở Việt Nam, các hoạt động hàng ngày của gia đình Việt.

Về tương tác với trẻ: Giáo viên sử dụng tiếng Anh tự nhiên trong giao tiếp với trẻ, kết hợp với ngôn ngữ cơ thể, biểu cảm khuôn mặt và cử chỉ để giúp trẻ hiểu. Giáo viên khuyến khích trẻ sử dụng tiếng Anh bằng cách đặt câu hỏi mở, tạo tình huống giao tiếp thực tế và khen ngợi mọi nỗ lực của trẻ. Không có áp lực buộc trẻ phải nói tiếng Anh mà tạo môi trường thoải mái để trẻ tự nhiên tiếp thu.

Về phản ứng của trẻ: Trẻ thể hiện sự hứng thú cao trong các hoạt động học tiếng Anh, chủ động tham gia, vui vẻ và tự tin hơn khi sử dụng các từ vựng, cụm từ tiếng Anh đã học. Một số trẻ còn chủ động hỏi giáo viên về nghĩa của các từ tiếng Anh mới trong cuộc sống hàng ngày, cho thấy sự quan tâm và động lực học tập.

### **2.3.5. Thảo luận về kết quả**

Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình bồi dưỡng đã đạt được mục tiêu ban đầu trong việc nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên mầm non. Đặc biệt, việc tích hợp AI vào chương trình không chỉ giúp giáo viên nâng cao hiệu quả trong việc chuẩn bị bài giảng mà còn tạo ra những trải nghiệm học tập mới mẻ và hấp dẫn cho trẻ. Điều này phù hợp với định hướng của Đề án 2371 về việc tạo môi trường học tập tiếng Anh tự nhiên, đa giác quan và an toàn.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số thách thức trong quá trình triển khai. Thứ nhất, nhiều giáo viên ở các trường mầm non công lập, đặc biệt là ở các quận ngoại thành, còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ do hạn chế về thiết bị và kết nối Internet. Thứ hai, một số giáo viên bày tỏ lo ngại về khả năng duy trì việc sử dụng AI trong dài hạn do thiếu hỗ trợ kỹ thuật và thiếu thời gian để cập nhật kiến thức về các công cụ mới. Thứ ba, vẫn còn sự dè dặt của một số phụ huynh về việc sử dụng công nghệ AI trong giáo dục trẻ nhỏ, đòi hỏi nhà trường cần có chiến lược truyền thông và giải thích rõ ràng về lợi ích và các biện pháp đảm bảo an toàn.

Mặc dù vậy, những kết quả tích cực ban đầu cho thấy tiềm năng lớn của mô hình này và sự cần thiết phải nhân rộng trong phạm vi rộng hơn. Việc kết hợp giữa phương pháp sư phạm truyền thống và công nghệ hiện đại, giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng số, đã tạo ra một chương trình đào tạo toàn diện, đáp ứng được yêu cầu của giáo dục mầm non trong thời đại mới.

### **2.3.6. Hạn chế của nghiên cứu**

Nghiên cứu tồn tại một số hạn chế cần được ghi nhận. Thứ nhất, quy mô mẫu tương đối nhỏ với 45 giáo viên chủ yếu ở Hà Nội, hạn chế tính đại diện cho đội ngũ giáo viên mầm non toàn quốc, đặc biệt ở vùng nông thôn, miền núi. Thứ hai, nghiên cứu dựa chủ yếu vào tự đánh giá của giáo viên về năng lực bản thân, chưa có đánh giá khách quan từ chuyên gia hoặc bài kiểm tra chuẩn hóa, đồng thời chưa sử dụng thiết kế thực nghiệm với nhóm đối chứng. Thứ ba, thời gian theo dõi ngắn (1-2 tháng sau khóa học), chưa đánh giá hiệu quả duy trì kiến thức và kỹ năng trong dài hạn. Thứ tư, nghiên cứu chưa đánh giá tác động trực tiếp đến kết quả học tập của trẻ mầm non, mà chỉ tập trung vào năng lực giáo viên. Thứ năm, chưa phân tích sâu ảnh hưởng của điều kiện cơ sở vật chất, công nghệ đến khả năng áp dụng AI của giáo viên ở các địa phương khác nhau. Cuối cùng, nghiên cứu chưa thu thập ý kiến từ lãnh đạo nhà trường, phụ huynh và các chuyên gia giáo dục mầm non về tính khả thi và hiệu quả của chương trình.

## **2.4. Khuyến nghị và định hướng phát triển**

### **2.4.1. Khuyến nghị đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thứ nhất, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giáo viên tiếng Anh mầm non gắn với lộ trình Đề án 2371, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Bộ tiêu chí cần bao gồm cả năng lực ngôn ngữ, năng lực sư phạm và năng lực ứng dụng công nghệ.

Thứ hai, cần ban hành hướng dẫn cụ thể về sử dụng công nghệ AI trong giáo dục mầm non, bao gồm các nguyên tắc đạo đức, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư của trẻ. Hướng dẫn này cần được

phổ biến rộng rãi đến các cơ sở giáo dục mầm non và giáo viên.

Thứ ba, hỗ trợ tài chính cho các trường mầm non, đặc biệt là các trường công lập ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ phục vụ giảng dạy tiếng Anh. Điều này đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận giáo dục chất lượng cao.

Thứ tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các trường đại học sư phạm, đặc biệt là Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, tiếp tục phát triển và hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh mầm non tích hợp công nghệ. Cấp chứng chỉ bồi dưỡng có giá trị pháp lý và được ghi nhận trong hồ sơ nghề nghiệp của giáo viên.

#### **2.4.2. Khuyến nghị đối với các trường đại học sư phạm**

Thứ nhất, nhân rộng mô hình bồi dưỡng kết hợp công nghệ - sư phạm trong mạng lưới các trường sư phạm trên toàn quốc. Xây dựng chương trình bồi dưỡng chuẩn có thể điều chỉnh linh hoạt theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Thứ hai, phát triển ngân hàng học liệu mở (Open Educational Resources) bao gồm lesson playbook mẫu, thẻ tranh, âm thanh, video và các công cụ đánh giá, chia sẻ miễn phí cho giáo viên trên toàn quốc. Ngân hàng học liệu cần được cập nhật thường xuyên và có cơ chế để giáo viên đóng góp và chia sẻ tài liệu của mình.

Thứ ba, tăng cường nghiên cứu khoa học về ứng dụng AI trong giáo dục mầm non, đặc biệt trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ. Kết quả nghiên cứu cần được công bố rộng rãi và ứng dụng vào thực tiễn đào tạo.

Thứ tư, xây dựng cộng đồng thực hành (community of practice) kết nối các giáo viên, giảng viên và chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non và công nghệ giáo dục. Tổ chức các hội thảo, workshop định kỳ để chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau.

#### **2.4.3. Khuyến nghị về hợp tác quốc tế**

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNICEF, British Council, UNESCO để học hỏi kinh nghiệm, cập nhật phương pháp và công cụ AI an toàn cho trẻ. Mời chuyên gia quốc tế đến tham gia các chương trình đào tạo giảng viên, chia sẻ kinh nghiệm và đánh giá chương trình. Tổ chức các chuyến trao đổi, học tập tại các quốc gia có kinh nghiệm tiên tiến trong giáo dục mầm non song ngữ như Singapore, Phần Lan, New Zealand. Tham gia các dự án nghiên cứu và phát triển quốc tế về AI trong giáo dục mầm non, nâng cao vị thế của Việt Nam trong cộng đồng giáo dục khu vực và thế giới.

### **3. KẾT LUẬN**

Việc nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên mầm non trong bối cảnh thực hiện Đề án 2371/ và chuyển đổi số trong giáo dục là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Chương trình bồi dưỡng ngắn hạn "Nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên mầm non" của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã chứng minh được tính khả thi và hiệu quả của mô hình tích hợp giữa phương pháp sư phạm mầm non truyền thống, công nghệ AI hiện đại và các nguyên tắc đạo đức, an toàn trong sử dụng công nghệ.

Kết quả ban đầu cho thấy giáo viên sau khóa học không chỉ nâng cao được năng lực chuyên môn mà còn có thái độ tích cực hơn đối với việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Các hoạt động học tập trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, góp phần tăng sự hứng thú và tự tin của trẻ khi làm quen với tiếng Anh. Đặc biệt, việc nhấn mạnh các nguyên tắc đạo đức và an toàn trong sử dụng AI đã giúp giáo viên có nhận thức đúng đắn và sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm.

Để đạt được mục tiêu của Đề án 2371 về đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, việc đầu tư vào đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non là yếu tố then chốt. Chương trình bồi dưỡng này là bước đi đầu tiên, cần được duy trì, nhân rộng và không ngừng hoàn thiện trong thời gian tới, với sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học sư phạm, địa phương, nhà trường và gia đình. Chỉ khi có một đội ngũ giáo viên mầm non chất lượng cao, có năng lực chuyên môn vững vàng và kỹ năng công nghệ hiện đại, chúng ta mới có thể tạo ra nền tảng ngôn ngữ vững chắc cho thế hệ học sinh mới, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững của đất nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Piaget, J. (1952). *The origins of intelligence in children*. International Universities Press. <https://doi.org/10.1037/11494-000>
2. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
3. Thủ tướng Chính phủ. (2025). *Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 về Đề án "Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045"*. Hà Nội
4. UNESCO. (2023). *AI and Education. Guidance for policy-makers*. UNESCO Publishing. <https://doi.org/10.54675/PCSP7350>
5. OECD. (2024). *Digital Education Outlook 2023: Towards an Effective Digital Education Ecosystem*. OECD Publishing.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình môn Tiếng Anh (Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT)*. Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT: Quy định chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên*. Hà Nội.
8. British Council. (2016). *Five essential tips for teaching very young children English*. British Council. <https://www.britishcouncil.org/voices-magazine/five-essential-tips-teaching-very-young-children-english>.
9. Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). *Artificial Intelligence in Education*. Center for Curriculum Redesign.

**ENHANCING ENGLISH TEACHING COMPETENCE  
AND METHODOLOGY FOR PRESCHOOL TEACHERS  
IN THE CONTEXT OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE APPLICATION  
AND IMPLEMENTATION OF DECISION 2371/QĐ-TTG**

**Abstract:** *In the context of implementing the Scheme "Making English the second language in schools for the period 2025-2035, with a vision to 2045", enhancing English teaching competence and methodology for teachers has become an urgent task of the education system. This article presents the theoretical foundations, structure, and implementation orientation of the training program "Enhancing English Teaching Competence and Methodology for Preschool Teachers" developed and implemented by Hanoi Metropolitan University. The program is designed based on modern preschool education theories (Piaget, Vygotsky), UNESCO and OECD guidelines on ethical and safe application of AI technology in education, aiming to develop three core competency groups: English language proficiency and communicative teaching methodology, competence in designing child-centered learning materials and activities, and competence in applying AI to personalize learning. The study employs instructional design and development methodology combined with surveys, teacher interviews, and classroom observations. Pilot results show that teachers completing the program demonstrate improved abilities in designing flexible lesson plans, applying AI to create multi-sensory learning materials, and enhanced awareness of data security and digital ethics. The article proposes recommendations for scaling up the model, developing teacher competency assessment criteria, and creating an open educational resource bank to serve the nationwide preschool education program.*

**Keywords:** *Artificial intelligence; English language teaching; preschool teachers; short-term training; teaching methodology.*